

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 57/2017/DS - PT

Ngày 11/9/2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Ông Lương Xuân Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Tuyết
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2017/TLPT-DS ngày 26/7/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2017/QĐ- PT ngày 21/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đồng Thị Q, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn K, xã NH1, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn H, xã NH2, huyện LG, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đồng Văn T2 , sinh năm 1962: Địa chỉ: Thôn K, xã NH1, huyện LG, tỉnh Bắc Giang – Ủy quyền cho vợ là Chị Đồng Thị Q đại diện theo giấy ủy quyền ngày 26/4/2017 (chị Q có mặt, anh T2 vắng mặt)

- Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn H, xã NH2, huyện LG, tỉnh Bắc Giang - Ủy quyền cho chồng là Anh Nguyễn Văn T1 là chồng đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 24/4/2017(chị V vắng mặt, anh T1 có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn Anh Nguyễn Văn T1

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm thì vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn Chị Đồng Thị Q trình bày: Chị có quan hệ quen biết với vợ chồng anh T1, chị V, gia đình chị có bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm. Từ ngày 25/01/2014 đến ngày 23/12/2014 vợ chồng anh T1 chị V có mua thức ăn chăn nuôi lợn của gia đình chị nhiều lần, có lần mua trả tiền, có lần mua chưa trả tiền; các lần mua chị đều ghi sổ bán hàng để theo dõi và anh T1 có ký nhận vào sổ theo dõi bán hàng. Ngày 22/01/2015 anh T1 có trả cho chị 15.000.000 đồng, hiện gia đình anh T1 chị V còn nợ gia đình chị tổng số tiền là 40.400.000 đồng. Mặc dù chịu đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh T1 chị V không trả, nay chị yêu cầu vợ chồng anh T1 chị V phải có trách nhiệm thanh toán trả gia đình chị số tiền 40.400.000 đồng tiền mua thức ăn chăn nuôi lợn chưa trả và tiền lãi xuất theo quy định của pháp luật từ ngày 22/01/2015 đến nay.

Bị đơn Anh Nguyễn Văn T1 xác nhận toàn bộ lời khai của chị Q về mối quan hệ, thời gian mua thức ăn chăn nuôi lợn, số lượng tiền gia đình anh còn nợ chị Q là đúng, anh T1 xác nhận còn nợ chị Q số tiền 40.400.000 đồng. Nay chị Q yêu cầu gia đình anh phải trả chị Q số tiền mua thức ăn chăn nuôi lợn còn nợ anh đồng ý, nhưng vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn anh không thể trả ngay cho chị Q số tiền trên được, anh xin trả dần.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đồng Văn T2, do Chị Đồng Thị Q là vợ đại diện theo ủy quyền trình bày: Anh T2 hoàn toàn đồng ý với ý kiến chị Q, anh Ủy quyền cho chị Q toàn quyền tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

- Chị Hoàng Thị V do Anh Nguyễn Văn T1 chồng đại diện theo ủy quyền trình bày: Chị V hoàn toàn đồng ý với ý kiến anh T1, chị ủy quyền cho anh T1 toàn quyền tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS - ST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang đã xử:

Áp dụng: Điều 26; 35; 147; 235; 264; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357; Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Xử buộc vợ chồng ông Anh Nguyễn Văn T1 Chị Hoàng Thị V phải có trách nhiệm thanh toán trả Chị Đồng Thị Q Anh Đồng Văn T2 40.400.000 đồng tiền gốc và 9.702.000 đồng tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 50.102.000 đồng (năm mươi triệu một trăm linh hai nghìn đồng chẵn).

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu 2.505.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả Chị Đồng Thị Q 1.010.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0002284 ngày 19/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 05/7/2017 bị đơn Anh Nguyễn Văn T1 kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về phần lãi suất và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn Anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Đề nghị cho anh được trả dần tiền gốc và đề nghị không được tính lãi vì anh mua cám trả sau nên mỗi bao cám đã chịu thêm 1.500 đồng tiền chậm trả. Chị Q khởi kiện anh không yêu cầu anh trả tiền lãi của số tiền còn nợ nên anh không đồng ý bản án sơ thẩm buộc anh phải chịu lãi suất.

Nguyên đơn chị Q trình bày: Nhất trí với bản án sơ thẩm đã xử, không chấp nhận với trình bày của bị đơn anh T1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong quá trình tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Các bên đương sự xác lập giao dịch dân sự từ năm 2013 đến năm 2014; là giao dịch dân sự được xác lập xong trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật. Nay các bên đương sự phát sinh tranh chấp, căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì Tòa án phải áp dụng quy định các các Điều 428; 438; 305 Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án. Nhưng Tòa án

lại áp dụng các quy định tại Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết là không đúng qui định của pháp luật. Ngoài ra bản án còn không áp dụng Điều 39; Điều 266; Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là thiếu sót.

- Chị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh T1 chị V phải thanh toán trả cho chị số tiền gốc là 40.400.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm chị Q mới bổ sung yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu; Yêu cầu này chưa được Tòa án thụ lý theo qui định của pháp luật. Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu bổ sung này của chị Q là vi phạm quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Theo qui định tại khoản 2 Điều 305; Điều 438 Bộ luật dân sự 2005; Quyết định 2868/QĐ- NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm tức là 0,75%/tháng tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán từ ngày 22/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/6/2017. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc anh T1 chị V phải trả tiền lãi cho chị Q, anh T2 với mức lãi suất là 0,83%/tháng là không đúng qui định trên.

- Về án phí: Do anh T1 không phải chịu phần tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại phần án phí dân sự sơ thẩm mà anh T1 phải nộp.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi và phần án phí theo hướng đã phân tích ở trên.

Vì sửa Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả anh T1 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn Chị Đồng Thị Q chỉ có yêu cầu đòi bị đơn Anh Nguyễn Văn T1, Chị Hoàng Thị V trả 40.400.000 đồng và chị Q đã nộp số tiền tạm ứng án phí tương ứng với yêu cầu này theo qui định.

Riêng yêu cầu đòi tiền lãi suất đối với anh T1 của khoản nợ này, đến phiên tòa sơ thẩm chị Q mới yêu cầu Tòa án buộc anh T1, chị V trả. Yêu cầu này của chị Q chưa được Tòa án thông báo nộp tạm ứng án phí, anh T1, chị V cũng chưa được Tòa án thông báo thụ lý, các đương sự chưa hòa giải với nhau tranh chấp này. Do vậy, bản án sơ thẩm xử buộc anh T1 chị V trả tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng tương ứng với thời gian chưa thanh toán là không đúng với qui định

tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Anh Nguyễn Văn T1 sửa bản án sơ thẩm. Không buộc anh T1, chị V phải trả lãi suất đối với số tiền nợ 40.400.000 đồng cho chị Q, anh T2.

Chị Q có quyền khởi kiện đòi tiền lãi suất của khoản nợ này đối với anh T1 chị V bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[2] Về án phí: Do bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cả tiền lãi suất của khoản nợ 40.400.000 đồng nên án phí buộc anh T1, chị V phải trả cao hơn so với quy định tại Điều 147 Bộ luật dân sự cũng như quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Do vậy cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn Anh Nguyễn Văn T1 sửa bản án sơ thẩm buộc anh T1 chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền 40.400.000 đồng anh T1 chị V phải trả chị Q, anh T2 là $40.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.020.000 \text{ đồng}$.

[3] Ngoài ra bản án còn có thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án. Cụ thể quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án xảy ra từ năm 2014, bản án sơ thẩm áp dụng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để giải quyết là không đúng mà cần áp dụng qui định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án. Các thiếu sót này của Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm như đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa hôm nay.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 147; Điều 148; khoản 1 Điều 244; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428; Điều 438 và Điều 305 Bộ luật dân sự 2005. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Anh Nguyễn Văn T1; Sửa bản án sơ thẩm. Xử

1. Buộc vợ chồng Anh Nguyễn Văn T1 Chị Hoàng Thị V phải trả nợ Chị Đồng Thị Q Anh Đồng Văn T2 số tiền nợ 40.400.000 đồng

2. Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đồng Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Chị Đồng Thị Q 1.010.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2015/0002284 ngày 19/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Văn T1 và Chị Hoàng Thị V phải chịu 2.020.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả Anh Nguyễn Văn T1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2015/0002421 ngày 05/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Như Hiền